

Bản án số: **84/2021/HSST**
Ngày 25/11/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Đào.

Ông Vi Văn Tý.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bình – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2021/TLST – HS ngày 23 tháng 10 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐST–HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1989 tại: huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Thanh và bà Nguyễn Thị Đ; Vợ: Nguyễn Thị H, con: 02 người con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 15/8/2021 cho đến nay, tại trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An.

(Có mặt).

- Bị hại: Tổng Công ty C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn A – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Km M, quốc lộ M, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Minh T – Chức vụ: Giám đốc ban QLDA Thủy Điện Bản M.

Người được ủy quyền lại: Anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Phạm Thái B, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 15/8/2021, tại nhà máy thủy điện B (Chi nhánh tổng công ty C tại Nghệ An thuộc tổng công ty C) thuộc xóm T, xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Lê Văn T đã lấy trộm 17 tấm bản mã bằng kim loại bằng sắt để tại hành lang tầng 2, xếp chồng lên nhau rồi đưa ra ngoài đặt ở nền nhà cách vị trí lấy khoảng 5m. Sau đó, Lê Văn T quay lại lấy trộm thêm 10 tấm bản mã bằng kim loại, khi T đang đưa 10 tấm bản mã bằng kim loại ra vị trí 17 tấm bản mã đã trộm được thì bị bảo vệ Ban quản lý dự án thủy điện Bản Mòng phát hiện nên Lê Văn T để lại số tài sản trên rồi bỏ trốn. Đến 21 giờ cùng ngày Lê Văn T đến Công an xã Y đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Bản kết luận định giá tài sản số 53/KL – HĐĐG ngày 19/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Quỳnh Hợp kết luận: 27 tấm bản mã bằng kim loại sắt là thiết bị phụ trợ máy biến áp lực, đang còn mới, bên ngoài được sơn màu vàng ghi, hình vuông, có kích thước mỗi cạnh 34 cm, mỗi tấm có độ dày khác nhau từ 0,1 cm đến 0,4 cm, tại 4 góc mỗi tấm có các góc và được đục 4 lỗ hình tròn, có tổng khối lượng là 51,5 kg và có giá trị là 4.260.000 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 76/VKS – HS ngày 21/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Lê Văn T khai nhận: Lê Văn T là công nhân làm việc ở Ban quản lý dự án thủy điện Bản M ở xóm T, xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Chiều ngày 15/8/2021 khi đang làm việc Lê Văn T nhìn thấy các tấm bản mã bằng kim loại đặt tại chân máy biến áp tại hành lang tầng 2 khu nhà máy nên T nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Lê Văn T đi bộ một mình từ khu nhà ở công nhân sang tầng 2 khu nhà máy của Ban quản lý dự án thủy điện Bản M, cách đó khoảng 500m và lấy trộm 17 tấm bản mã bằng kim loại bằng sắt để tại hành lang tầng 2, xếp chồng lên nhau rồi đưa ra ngoài đặt ở nền nhà cách vị trí lấy khoảng 5m. Sau đó, Lê Văn T quay lại lấy trộm thêm 10 tấm bản mã bằng kim loại, khi T đang đưa 10 tấm bản mã bằng kim loại ra vị trí 17 tấm bản mã đã trộm được thì bị anh Phạm Thái B là bảo vệ Ban quản lý dự án thủy điện Bản M phát hiện nên Lê Văn T để lại số tài sản trên rồi bỏ chạy. Sau đó, bị cáo ra đầu thú. Bị cáo Lê Văn T nhất trí với cáo trạng truy tố của VKSND huyện Quỳnh Hợp truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đến 16 tháng; buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Văn T.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị miễn xét.

Bị cáo Lê Văn T nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai trái mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo Lê Văn T khai là công nhân của Ban quản lý dự án thủy điện Bản M tại xóm T, xã Y, huyện Q, tỉnh Nghệ An do muốn có tiền tiêu xài nên khoảng 19 giờ ngày 15/8/2021, Lê Văn T đang lấy trộm 27 tấm bảng mã bằng kim loại sắt là thiết bị phụ trợ máy biến áp lực của Ban quản lý dự án thủy điện Bản M thì bị phát hiện nên bị cáo đã bỏ trốn. Lời khai nhận của bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của đại diện bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vật chứng được thu giữ, gồm: Biên bản sự việc ngày 15/8/2021; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường; Bản kết luận định giá tài sản số 53/KL – HĐĐG ngày 19/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Quỳnh Hợp kết luận: 27 tấm bản mã bằng kim loại sắt là thiết bị phụ trợ máy biến áp lực, đang còn mới, bên ngoài được sơn màu vàng ghi, hình vuông, có kích thước mỗi cạnh 34 cm, mỗi tấm có độ dày khác nhau từ 0,1 cm đến 0,4 cm, tại 4 góc mỗi tấm có các góc và được đục 4 lỗ hình tròn, có tổng khối lượng là 51,5 kg và có giá trị là 4.260.000 đ (bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng). Do đó, có đủ căn cứ xác định hành vi trên của Lê Văn T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo Lê Văn T là nguy hiểm, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại. Vụ án xảy ra gây ảnh hưởng xấu đến tình

hình trật tự, trị an xã hội trên địa bàn. Gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần lên cho bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo Lê Văn T không thực hiện được tội phạm đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn (do bị bảo vệ phát hiện), đây thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo vì: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác bị cáo Lê Văn T có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, từ trước đến nay phạm tội bị cáo nhân thân tốt, luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là phù hợp, thể hiện chính sách pháp luật khoan hồng, giáo dục cải tạo hơn là trừng trị của Nhà nước ta đối với người phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo đang bị tạm giam, trước khi phạm tội bị cáo là công nhân, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T **06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là tháng 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền Ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Văn T.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TT hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000(hai trăm nghìn) đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Vắng mặt đại diện bị hại và người làm chứng. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/11/2021. Đối với đại diện bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An,
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An,
- VKS ND tỉnh Nghệ An
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp,
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh hợp,
- TH A DS huyện Quỳnh hợp,
- Bị cáo;
- Bị hại ;
- lưu

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Quán Vi Tuấn